

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
HTC HOLDING**

Số: 01/BCTN-CET

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2025.*

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Việt Nam  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần HTC Holding
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0104230142
- Vốn điều lệ: 60.500.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: Số 4 tầng 4, tòa nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại: 0203 864617
- Số fax: 0203 864617
- Website: cetholding.vn
- Mã cổ phiếu: CET
- Quá trình hình thành và phát triển:

Thời kỳ/ Giai đoạn	Sự kiện
28/10/2009	Thành lập Công ty cổ phần Tech Vina
01/08/2011	Nhà máy sản xuất tinh dầu đầu tiên đi vào hoạt động

01/01/2016	Xây dựng nhà máy tại Hà Nội
28/07/2018	Niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán Hà Nội
25/05/2021	Công ty đổi tên thành Công ty cổ phần HTC Holding

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất chiết xuất các sản phẩm hương liệu tự nhiên
- Sản xuất nước hương liệu chưng cất
- Bán buôn nông sản (gạo)
- Bán buôn vật liệu xây dựng

Các sản phẩm, dịch vụ kinh doanh chính: Các hoạt động chính bao gồm sản xuất, kinh doanh tinh dầu quế, sản xuất mùn cưa từ bã cành lá quế của hệ thống chiết xuất tinh dầu quế, hoạt động thương mại các mặt hàng nông sản (gạo), mặt hàng vật liệu xây dựng.

Hoạt động sản xuất, chế biến tinh dầu quế của Công ty được diễn ra tại nhà máy huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Cành quế, vỏ quế, lá quế được thu mua từ hơn 8,000 hộ nông dân trồng quế trong vùng nguyên liệu 5.000ha liên kết với công ty, sau đó vận chuyển về nhà máy sơ chế và đưa vào dây chuyền sản xuất, chế biến tinh dầu.

Sau gần 10 năm hoạt động trong ngành sản xuất tinh dầu và chất thơm tự nhiên. Hiện nay, Công ty cổ phần HTC Holding đã thiết lập quan hệ với một số bạn hàng thân thiết và ngày càng mở rộng phạm vi kinh doanh trên thị trường quốc tế.

Kể từ năm 2021, hoạt động kinh doanh của công ty được tái cấu trúc và có sự chuyển dịch, cơ cấu doanh thu hiện tại chiếm chủ yếu là hoạt động thương mại các mặt hàng nông sản như lúa gạo. Nhằm mục đích mở rộng mặt hàng kinh doanh và quy mô doanh nghiệp, Công ty tiếp cận với lĩnh vực thương mại đa dạng các mặt hàng mới để tìm kiếm các cơ hội tiềm năng.

## 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Cơ cấu quản trị, kiểm soát và quản lý của Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;

- Tổng Giám đốc.

Ban điều hành (BDH):

STT	Thành viên ban điều hành	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm thành viên BDH
1	Nguyễn Quốc Phương	Tổng Giám đốc	Cử nhân Kinh tế đối ngoại	07/07/2023
2	Trần Thị Thảo Trang	Phó Tổng Giám đốc	Kỹ sư hóa thực phẩm	07/07/2023
3	Trần Thị Thanh Nhân	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	Cử nhân kế toán	07/07/2023 (Bổ nhiệm vị trí Kế toán trưởng vào ngày 11/11/2024)

Các công ty con, công ty liên kết: Công ty không có công ty con, công ty liên kết

#### 4. Định hướng phát triển

Trong kế hoạch dài hạn, Công ty tiếp tục duy trì và đẩy mạnh thực hiện công tác nghiên cứu thị trường, nghiên cứu sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu của thị trường, sử dụng tối ưu nguồn lực con người và tài chính.

Về công tác bán hàng, Công ty tiếp tục mở rộng mạng lưới bán hàng trong chuỗi cung ứng nông sản cụ thể là ngành gạo, giúp khách hàng tiếp cận tốt với các thông tin về Công ty như sản phẩm, quy trình chất lượng, năng lực cung ứng... Công ty tiếp cận các thị trường sản phẩm mới để đáp ứng nhu cầu thị trường, tìm kiếm khách hàng mới và nắm bắt hướng đi mới trên thị trường.

#### 5. Các rủi ro:

- **Rủi ro chuỗi cung ứng:**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là thu mua và kinh doanh các loại hàng mặt hàng gạo do đó các rủi ro liên quan đến hàng hóa đầu vào và thị trường tiêu thụ có tác động lớn đến công ty. Với tiềm lực tài chính và mức độ thâm nhập vào chuỗi cung ứng của công ty còn hạn chế, những biến động bất thường về giá cả hàng hóa hoặc những thay đổi trong chính sách mua, bán hàng hóa của nhà cung cấp, công ty thu mua sẽ tạo ra những rủi ro cho hoạt động của Công ty.

- **Rủi ro kinh tế vĩ mô:**

Do người dùng cuối cùng của sản phẩm mà CET đang phân phối là ở các thị trường nước ngoài, đồng thời đây cũng là nhóm mặt hàng thiết yếu. Do đó các diễn biến tình hình kinh tế ảnh hưởng đến sức tiêu thụ, các căng thẳng địa chính trị ảnh hưởng đến tình hình vận chuyển hàng hóa cũng là những rủi ro tiềm ẩn đối với hoạt động của Công ty. Ngoài ra, trong bối cảnh thị phần xuất khẩu gạo Thế giới gần như bị chi phối bởi một nhóm nhỏ các cường quốc nông nghiệp, do đó những biến động địa chính trị và chính sách xuất nhập khẩu của các Quốc gia này cũng là rủi ro đáng lo ngại.

- **Rủi ro pháp lý:**

Rủi ro về pháp luật là rủi ro mang tính hệ thống, có ảnh hưởng chung đến toàn ngành. Đối với hoạt động kinh doanh cũng như việc Công ty hiện đang là doanh nghiệp niêm yết giao dịch ở Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thì hoạt động của Công ty phải bám sát với các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thương mại,... và các chính sách, thủ tục hành chính liên quan của Nhà nước.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty liên tục phải cập nhật hệ thống văn bản pháp luật, tiến hành nghiên cứu, phân tích và dự báo về sự thay đổi của pháp luật có thể ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cũng như tới toàn thể cán bộ, công nhân viên và cổ đông của Công ty.

- **Rủi ro hệ thống:**

Ngoài các rủi ro kể trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng có khả năng xảy ra nhưng sẽ tác động tới tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, đó là biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan, bệnh dịch, căng thẳng địa chính trị,...

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

#### **i. Thông tin ngành:**

Chiếm 40% lượng gạo xuất khẩu của Thế giới, việc Ấn Độ ban hành các biện pháp hạn chế xuất khẩu gạo để ổn định thị trường trong nước và nguồn cung tại một số quốc gia bị sụt giảm do El Nino đã thúc đẩy nhu cầu và giá gạo tăng cao trong thời gian dài từ năm 2022 đến nay. Việt Nam là một trong những nước hưởng lợi từ diễn biến này của thị trường và củng cố mạnh mẽ vị thế là một trong ba quốc gia xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới, chiếm khoảng 15% tổng lượng gạo xuất khẩu toàn cầu.

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trong tháng 12/2024, Việt Nam ước xuất khẩu hơn 520 nghìn tấn gạo, thu về 390 triệu USD. Xuất khẩu gạo lũy kế năm 2024 lập kỷ lục với 9,18 triệu tấn, trị giá gần 5,8 tỷ USD, tăng lần lượt 12% và 23% so với năm 2023. Đơn giá xuất khẩu bình quân của gạo Việt được cải thiện, năm qua đạt 627 USD/tấn, trong khi trước đây là dưới 600 USD/tấn.



Năm 2024, Philippines là thị trường tiêu thụ gạo lớn nhất của Việt Nam với 3,6 triệu tấn, chiếm 40% tổng lượng gạo xuất khẩu. Trong khi đó, xuất khẩu gạo sang Trung Quốc sụt giảm rất mạnh. Ước tính cả năm 2024, sản lượng gạo Việt xuất sang thị trường này chỉ đạt 250.000 tấn, giảm đến 71% so với năm 2023, dù năm 2023 cũng đã giảm nhiều so với những năm trước. Thời gian qua, Trung Quốc tích cực sản xuất lúa gạo nhằm giảm phụ thuộc vào kênh nhập khẩu. Ngoài việc kiểm soát thông qua hình thức cấp phép doanh nghiệp nhập khẩu, Trung Quốc cũng liên tục nâng tiêu chuẩn về chất lượng và mẫu mã bao bì đối với gạo thơm, gạo cao cấp.

## ii. Kết quả kinh doanh so với kế hoạch

STT	Đơn vị	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	% hoàn thành kế hoạch năm
1	Đồng	Doanh thu thuần	400.000.000.000	85.209.344.106	21,30%
2	Đồng	Lợi nhuận sau thuế	4.840.000.000	65.111.617	1,35%

Kết quả kinh doanh giai đoạn 4 năm (2021-2024)

Đơn vị: 1.000 Đồng

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2024/2023 (%)
Doanh thu thuần	29.881.583	97.793.150	93.726.779	85.209.344	90,91%
Giá vốn hàng bán	29.150.619	95.980.400	89.621.680	80.550.160	89,88%
Lợi nhuận trước thuế	163.675	1.261.727	143.375	190.811	133,09%
Lợi nhuận sau thuế	127.904	992.767	111.578	65.111	58,35%

Nguyên nhân:

- Doanh thu và lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm 2024 lần lượt đạt 85,2 tỷ đồng và 65,1 triệu đồng tương ứng hoàn thành 21,3% và 1,4% kế hoạch doanh thu, lợi nhuận đặt ra. Trong năm 2024, nhu cầu đối với mặt hàng lúa gạo là rất lớn tuy nhiên Công ty cũng đánh giá các rủi ro tiềm ẩn liên quan đến biến động chênh lệch giữa giá mua hàng từ nhà cung cấp với giá bán cho khách hàng có thể dẫn tới những thiệt hại. Cụ thể, giá cả lúa gạo trong năm 2024 có những diễn biến bất thường với những đợt tăng giảm giá biên độ

lớn trong thời gian ngắn và có độ lệch pha trong việc điều chỉnh giá giữa nhà cung cấp so với thị trường tiêu thụ, đồng thời ở thời điểm hiện tại Công ty chưa thể thực hiện việc chủ động tích trữ hàng hóa để tránh các rủi ro liên quan đến giá.

Do đó để tránh các tổn thất cho Công ty, Ban điều hành Công ty buộc phải từ chối khá nhiều các đơn hàng và chỉ triển khai đối với những hợp đồng ở mức hòa vốn hoặc lãi nhẹ đối với những hợp đồng đồng đã hoàn tất đàm phán hoặc để giữ mối quan hệ làm ăn với những khách hàng quan trọng.

## 2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

STT	Thành viên ban điều hành	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết*
<b>Danh sách Ban điều hành đương nhiệm</b>					
1	Nguyễn Quốc Phương	Tổng Giám đốc	Cử nhân Kinh tế đối ngoại	07/07/2023	0 cổ phiếu
2	Trần Thị Thảo Trang	Phó Tổng Giám đốc	Kỹ sư hóa thực phẩm	07/07/2023	0 cổ phiếu
3	Trần Thị Thanh Nhân	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	Cử nhân kế toán	07/07/2023 (Bổ nhiệm vị trí Kế toán trưởng ngày 11/11/2024)	0 cổ phiếu
<b>Danh sách Ban điều hành miễn nhiệm</b>					
1	Lê Hoàng Đài Trang	Phó Tổng Giám đốc	Cử nhân Quản trị kinh doanh	03/04/2024	0 cổ phiếu
2	Trịnh Phương Anh	Kế toán trưởng	Cử nhân Tài chính – Ngân hàng	11/11/2024	0 cổ phiếu

\*Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm 31/12/2024

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

	Nhân sự (người)
Nam	3
Nữ	3
Tổng	6

**Chính sách đối với người lao động:**

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 08 giờ/ngày. 06 ngày/tuần, nghỉ trưa 60 phút. Công ty tuân thủ các chế độ trả lương, thời gian làm thêm giờ và công khai minh bạch chính sách chế độ với người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ: Nhân viên công ty khi nghỉ ốm sẽ hưởng trợ cấp ốm đau do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật Lao động. Trong thời gian nghỉ thai sản (06 tháng) người lao động sẽ được nhận trợ cấp thai sản tương đương 06 tháng tiền lương do Quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả. Cán bộ nhân viên được nghỉ các ngày lễ, Tết theo quy định của Nhà nước.

Điều kiện làm việc: Công ty bố trí đầy đủ điều kiện văn phòng làm việc cho cán bộ nhân viên. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động. Các nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt.

**Chính sách tuyển dụng, đào tạo:**

Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực làm việc, phù hợp với môi trường làm việc của Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh. Những lao động đảm nhận vị trí cao được Công ty lựa chọn kỹ năng nhằm đáp ứng được năng lực, trình độ và kinh nghiệm theo yêu cầu của mỗi vị trí công việc.

Đào tạo: Công ty hết sức chú trọng tới công tác đào tạo nguồn nhân lực. Công ty tổ chức các khóa đào tạo chuyên đề để nâng cao trình độ tay nghề, khuyến khích cán bộ nhân viên tham gia các khóa học để nâng cao kiến thức chuyên môn nhằm ngày càng đáp ứng được yêu cầu công việc.

**Chính sách lương thưởng:**

Chính sách lương: Công ty áp dụng thang bảng lương tự xây dựng phù hợp với đặc thù sản xuất kinh doanh của Công ty, người lao động được nhận tiền lương, tiền thưởng,... căn cứ vào hợp đồng lao động, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty và kết quả công việc cụ thể của từng người theo Quy chế của Công ty. Hàng năm Công ty tiến hành đánh giá, điều chỉnh lương cho toàn bộ công nhân

viên ít nhất một lần nhằm đảm bảo nguồn thu nhập của cán bộ công nhân viên phù hợp với những nỗ lực cống hiến của CBCNV, tạo sự gắn kết lâu dài của CBCNV với Công ty và thu hút các lao động có trình độ cao.

**Chính sách thưởng:** nhằm khuyến khích động viên người lao động nâng cao năng suất và hiệu quả công việc, ngoài các quyền lợi được quy định bởi Luật lao động cán bộ công nhân viên trong Công ty còn được hưởng một số ưu đãi tùy thuộc vào mức độ đóng góp của bản thân người lao động cho Công ty. Định kì hàng tháng, hàng năm, căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí Công ty sẽ có mức khen thưởng hợp lý.

#### **Các chế độ chính sách khác đối với lao động**

Công ty thực hiện các chế độ đảm bảo xã hội cho người lao động theo Luật lao động, nội quy lao động. Công ty chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động. Hàng năm công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CBCNV. Cùng với đó tạo sự thư giãn sau những ngày làm việc vất vả, tạo sự gắn kết giữa các bộ phận trong Công ty, hàng năm vào các dịp lễ tết Công ty luôn tổ chức các chương trình giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể thao giữa các bộ phận.

### **3. Tình hình tài chính**

#### **a) Tình hình tài chính**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>2022</b>	<b>2023</b>	<b>2024</b>	<b>% tăng giảm</b>
Tổng tài sản ngắn hạn	10.486.596.443	18.402.860.295	22.402.279.988	21,73%
Tổng tài sản dài hạn	64.600.000.000	64.684.769.906	49.498.867.701	-23,48%
Tổng nợ	7.857.918.113	15.732.373.391	4.480.779.262	-71,52%
Vốn chủ sở hữu	67.228.678.330	67.355.256.810	67.420.368.427	0,10%
Tổng tài sản	75.086.596.443	83.087.630.201	71.901.147.689	-13,46%
Doanh thu thuần	97.793.150.000	93.726.778.874	85.209.344.106	-9,09%
Lợi nhuận gộp	1.812.750.000	4.105.098.554	4.659.183.956	13,50%
Chi phí lãi vay	-	676.578.629	722.631.153	6,81%

Lợi nhuận sau thuế	992.767.186	111.578.480	65.111.617	-41,65%
--------------------	-------------	-------------	------------	---------

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
+ Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,17	4,99
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	18,93%	6,23%
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	23,36%	6,65%
<i>3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	0,17%	0,097%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,13%	0,091%

#### 4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần (Tại thời điểm 31/12/2024):

- Số cổ phần lưu hành: 6.050.000 cổ phần
- Số cổ phần phổ thông: 6.050.000 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông (tại thời điểm 31/12/2024):

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0	0	0

2	<b>Cổ đông sáng lập/ cổ đông</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	- Trong nước	0	0	0	0	0
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
3	<b>Cổ đông lớn</b>	<b>3.903.865</b>	<b>64,53</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>3</b>
	- Trong nước	3.903.865	64,53	4	1	3
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
4	<b>Công đoàn Công ty</b>	<b>0</b>	<b>0,00</b>			
	- Trong nước	0	0,00			
	- Nước ngoài	0	0,00			
5	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>0</b>	<b>0,00</b>			
6	<b>Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)</b>	<b>0</b>	<b>0,00</b>			
7	<b>Cổ đông khác</b>	<b>2.146.135</b>	<b>35,47</b>	<b>479</b>	<b>2</b>	<b>477</b>
	- Trong nước	2.093.205	34,60	472	0	472
	- Nước ngoài	52.930	0,17	7	2	5
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>6.050.000</b>	<b>100,00</b>	<b>483</b>	<b>2</b>	<b>481</b>
<i>Trong đó: - Trong nước</i>		5.997.070	99,13	476	0	476
<i>- Nước ngoài</i>		52.930	0,17	7	2	5

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị cấp)

Quá trình tăng vốn điều lệ:

- Tháng 10/2009, vốn điều lệ khi thành lập là 3.000.000.000 đồng.



- Tháng 07/2013, vốn điều lệ sau khi phát hành riêng lẻ là 10.000.000.000 đồng.
- Tháng 12/2015, vốn điều lệ sau khi phát hành riêng lẻ là 55.000.000.000 đồng.
- Tháng 06/2018, vốn điều lệ sau khi trả cổ tức bằng cổ phiếu là 60.500.000.000 tỷ đồng.

d) Cổ phiếu quỹ (Tại 31/12/2024):

- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2024: Không phát sinh giao dịch

e) Các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm: Không có

### **III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Năm 2024 tiếp tục trải qua những biến động tiêu cực từ tình hình kinh tế vĩ mô và địa chính trị tuy nhiên tình hình dần được kiểm soát và bắt đầu xuất hiện những tín hiệu tích cực. Mặt khác, đối với ngành gạo trong nước và quốc tế thì năm 2024 là một sự đột phá. Cụ thể, tại Việt Nam, hoạt động xuất khẩu gạo lũy kế cả năm 2024 lập kỷ lục với 9,18 triệu tấn, trị giá gần 5,8 tỷ USD, tăng lần lượt 12% và 23% so với năm 2023. Đơn giá xuất khẩu bình quân của gạo Việt được cải thiện, năm qua đạt 627 USD/tấn, trong khi trước đây là dưới 600 USD/tấn.

Không nằm ngoài xu hướng chung, tận dụng nhu cầu tăng cao của thị trường, công ty đẩy mạnh hoạt động bán hàng qua đó đưa doanh thu 6 tháng đầu năm 2024 của công ty đạt 85,2 tỷ đồng tăng 135,8% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, những diễn biến không đồng pha giữa giá đầu vào thu mua từ nhà cung cấp và giá đầu ra với đối tác tiêu thụ sản phẩm gây ra những rủi ro tiềm ẩn mà công ty đánh giá là trọng yếu. Cụ thể, doanh nghiệp ký kết hợp đồng xuất khẩu lúc giá ổn định, nhưng giá mua vào phục vụ xuất khẩu sau đó lại tăng cao đột biến dẫn đến việc doanh nghiệp buộc phải đàm phán lại về thời gian giao hàng với đối tác, dẫn tới chi phí vận chuyển, giao hàng trên toàn chuỗi đều tăng cao, góp phần bào mòn lợi nhuận.

Do đó trong 6 tháng cuối năm, công ty quyết định tạm ngưng nhận các đơn hàng mới để tái cấu trúc hoạt động, đánh giá lại các rủi ro trong hoạt động kinh doanh. Đồng thời, thực hiện tái cấu trúc vốn, giảm nợ, chi phí lãi vay và thoái vốn khỏi những đơn vị chưa hoạt động hiệu quả.

**Tình hình kết quả thực hiện nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024:**

*ĐVT: đồng*

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	% hoàn thành kế hoạch năm
1	Doanh thu thuần	400.000.000.000	85.209.344.106	21,30%
2	Lợi nhuận sau thuế	4.840.000.000	65.111.617	1,35%

Như đã phân tích ở trên, nguyên nhân chính cho việc Công ty không đạt được kế hoạch kinh doanh là do công ty chủ động ngừng nhận các đơn hàng mới trong 6 tháng cuối năm để quản trị rủi ro, tái cấu trúc trong mô hình kinh doanh.

**Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 so với năm 2023:**

Chỉ tiêu	Năm 2024 (1)	Năm 2023 (2)	Tăng trưởng (3)=(1-2)/(2)
Doanh thu thuần (đồng)	85.209.344.106	93.726.778.874	-9,09%
Chi phí lãi vay (đồng)	722.631.153	676.578.629	6,81%
Biên lợi nhuận gộp (%)	5,5%	4,4%	
Lợi nhuận sau thuế (đồng)	65.111.617	111.578.480	-41,65%

Kết thúc một năm đầy khó khăn, doanh thu cả năm 2024 của CET đạt được 85,2 tỷ đồng giảm 9,1% so với doanh thu năm 2023. Lợi nhuận sau thuế đạt 65,1 triệu đồng giảm 41,7% so với cùng kỳ mặc dù biên lợi nhuận gộp có sự cải thiện. Lợi nhuận công ty giảm chủ yếu do quyết định chiến lược của Ban lãnh đạo trong việc tạm ngưng nhận đơn hàng mới trong 6 tháng cuối năm để tránh các rủi ro phát sinh do diễn biến không đồng pha giữa giá nhập hàng và giá bán như đã nêu ở trên.

## 2. Tình hình tài chính

### a) Tài sản hợp nhất và nợ phải trả

*DVT: đồng*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		2024/2023
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Tài sản ngắn hạn	18.402.860.295	22%	22.402.279.988	31%	121,7%
2	Tài sản dài hạn	64.684.769.906	78%	49.498.867.701	69%	76,5%
<b>A</b>	<b>Tổng tài sản</b>	<b>83.087.630.201</b>	<b>100%</b>	<b>71.901.147.689</b>	<b>100%</b>	<b>86,5%</b>
1	Nợ phải trả	15.732.373.391	19%	4.480.779.262	6%	28,5%
	<i>Nợ ngắn hạn</i>	15.732.373.391	19%	4.480.779.262	19%	28,5%
	<i>Nợ dài hạn</i>	0	0%	0	0%	
2	Vốn chủ sở hữu	67.355.256.810	81%	67.420.368.427	94%	100,1%
<b>B</b>	<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>83.087.630.201</b>	<b>100%</b>	<b>71.901.147.689</b>	<b>100%</b>	<b>86,5%</b>

Tại thời điểm 31/12/2024, tổng tài sản của CET đạt 71.9 tỷ đồng, giảm 11,1 tỷ đồng tương đương giảm 13,5% so với thời điểm 31/12/2023. Năm 2024 so với năm 2023, Giá trị của Nợ phải trả ngắn hạn đã giảm từ 15,7 tỷ đồng xuống 4,5 tỷ đồng, giảm 71,5%. Trong đó chủ yếu là Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn giảm, qua đó giúp giảm đáng kể áp lực trả lãi vay và nợ trong ngắn hạn.

### b) Vốn điều lệ

Tại thời điểm 31/12/2024, vốn điều lệ của Công ty là 60.500.000.000 đồng. Trong năm 2024, Công ty không thực hiện việc thay đổi vốn điều lệ.

### 3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Các hoạt động thương mại các sản phẩm nông nghiệp sẽ tập trung vào chiến lược phát triển bền vững và không ngừng tìm kiếm cơ hội để mở rộng thị trường khi nền kinh tế có những chuyển biến tích cực. Mặc dù dịch bệnh đã được kiểm soát nhưng những ảnh hưởng của nó vẫn còn rất sâu rộng cùng với những biến động địa chính trị và nền kinh tế toàn cầu đã khiến cho Công ty với mô hình thương mại để phục vụ cho thị trường xuất khẩu phải gặp nhiều trở ngại.

Bên cạnh đó ngày 28/9/2024, Chính phủ Ấn Độ đã đình chỉ lệnh cấm xuất khẩu gạo đối với gạo xay xát không phải gạo basmati, chấm dứt lệnh cấm đã kéo dài hơn 14 tháng. Đồng thời, nước này cũng giảm thuế xuất khẩu gạo lứt và gạo đỏ từ 20% xuống còn 10%. Quyết định của Ấn Độ được đưa ra khi sản lượng thu hoạch gạo của nước này trong năm 2024 tăng cao hơn, củng cố kho dự trữ của nhà nước. Trong khoảng thời gian Ấn Độ áp dụng các biện pháp hạn chế xuất khẩu gạo thì Việt Nam đã tận dụng cơ hội để gia tăng thị phần, cải thiện mạnh mẽ cả về sản lượng và giá trị xuất khẩu. Do đó sự trở lại của Ấn Độ ở thị trường gạo là tín hiệu cho sự cạnh tranh khốc liệt trong năm 2025.

Vì vậy, trong năm 2025, Công ty sẽ tập trung vào việc tìm kiếm nhà cung cấp đạt những yêu cầu về sự uy tín, năng lực cung cấp sản phẩm, khả năng giao hàng vận chuyển và đồng thời hướng đến những thỏa thuận mua hàng nhằm hạn chế rủi ro biến động giá thị trường cho cả bên mua và bên bán. Ngoài ra, đây cũng là giai đoạn Công ty tập trung tinh gọn bộ máy, đồng thời nghiên cứu ứng dụng công nghệ để gia tăng lợi thế cạnh tranh của sản phẩm.

Năm 2025, Công ty sẽ ưu tiên quản trị rủi ro trước những diễn biến khó lường của thị trường đồng thời nghiên cứu mở rộng mạng lưới đối tác chiến lược, tích cực tìm kiếm những lĩnh vực tiềm năng và thử nghiệm những công nghệ mới. Công ty sẽ tiếp tục mở rộng danh mục, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ khách hàng, đồng thời đa dạng hóa các kênh bán hàng, bao gồm cả kênh phân phối và các kênh bán lẻ cũng như thương mại trực tuyến.

a. Chỉ tiêu kinh doanh năm 2025:

*ĐVT: đồng*

STT	Chỉ tiêu	TH 2024	KH 2025
1	Doanh thu thuần	85.209.344.106	Kế hoạch kinh doanh năm 2025 đang được Ban Giám đốc xây dựng và trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
2	Giá vốn hàng bán	80.550.160.150	
3	Lợi nhuận gộp	4.659.183.956	

STT	Chỉ tiêu	TH 2024	KH 2025
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	190.811.627	
5	Lợi nhuận sau thuế	65.111.617	

b. Kế hoạch tăng/giảm vốn điều lệ trong năm 2025:

Hội đồng quản trị sẽ xin ý kiến chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông ngay khi có kế hoạch thay đổi vốn điều lệ trong năm 2025

#### 4. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Theo BCTC kiểm toán năm 2024, đơn vị kiểm toán Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp thuận toàn phần đối với báo cáo của Công ty, vì vậy Ban TGD không có ý kiến giải trình thêm.

### IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

i. Kết quả triển khai thực hiện các nội dung được ĐHĐCĐ thông qua:

HĐQT đã chỉ đạo triển khai toàn diện và kịp thời các nội dung được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ, cụ thể như sau:

- Về thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2024:**

Trích xuất từ Báo cáo tài chính hợp nhất đến ngày 31/12/2024 đã kiểm toán, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của CET với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ % TH 2024/ KH 2024	Tỷ lệ % TH 2024/ TH 2023
-----	----------	--------------------	-------------------	--------------------	--------------------------	--------------------------

1	Doanh thu thuần	93.727	400.000	85.209	21,30%	90,91%
2	Lợi nhuận gộp	4105	15.000	4.659	31,06%	113,50%
3	Lợi nhuận trước thuế	143	6.050	190	3,14%	132,87%
4	Lợi nhuận sau thuế	111	4.840	65	1,34%	58,56%

Như đã nêu ở trên, năm 2024 là một năm kinh doanh cho thấy nhiều tín hiệu trái chiều. Với nhu cầu lớn từ thị trường xuất khẩu, con số doanh thu của công ty có thể ghi nhận sự tăng trưởng đáng kể nếu công ty không có sự thay đổi trong định hướng quản trị rủi ro. Tại thời điểm cuối năm, quan sát thấy tình hình kinh doanh của các công ty cùng ngành, Hội đồng quản trị đánh giá đây là sự chậm lại một phương án phù hợp để tránh các rủi ro tiềm ẩn. Cụ thể:

- Trong 6 tháng đầu năm, công ty đã triển khai các kế hoạch kinh doanh, mở rộng mạng lưới bán hàng đồng thời áp dụng chính sách bán hàng hấp dẫn để tạo nền tảng khách hàng, đổi tác qua đó mang về doanh thu 6 tháng đầu năm 2024 đạt 85,2 tỷ đồng, tăng 135,3% so với cùng kỳ. Việc này cho thấy nhu cầu của thị trường là rất lớn và công ty có thể tạo ra sự bứt phá về mặt doanh thu cho cả năm. Tuy nhiên, nhận thấy các rủi ro tiềm ẩn liên quan đến những biến động trái chiều, chưa đồng pha giữa giá thu mua và giá bán cho các nhà tiêu thụ, Ban điều hành đã báo cáo đến Hội đồng quản trị và thống nhất về việc tạm ngừng nhận các đơn hàng mới trong 6 tháng cuối năm. Qua đó doanh thu cả năm 2024 giữ nguyên ở mức 85,2 tỷ đồng và chỉ đạt 21,3% so với kế hoạch, bằng 90,9% so với cùng kỳ năm 2023.
- Tương tự một số thời điểm năm 2023, giá gạo trong nước tăng cao và không có dấu hiệu hạ nhiệt mặc dù nhu cầu mua gạo và các sản phẩm nông nghiệp không giảm nhưng do giá mua đầu vào trong nước bị tăng cao so với mặt bằng chung làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới biên lợi nhuận. Công ty đã cân nhắc phương án thuê kho để tích trữ trước lượng lớn hàng hóa để ổn định giá mua đầu vào tuy nhiên nhận thấy giá xuất khẩu sẽ có sự đảo chiều lớn khi Ấn Độ có dấu hiệu tháo gỡ các hạn chế xuất khẩu gạo của nước này. Kể từ thời điểm Ấn Độ mở cửa xuất khẩu gạo trở lại (tháng 9/2024), giá gạo Việt Nam xuất khẩu giảm từ hơn 620 USD/tấn xuống 441 USD/tấn (số liệu được lấy tại thời điểm tháng 2/2025). Hội đồng quản trị đánh giá việc tạm ngừng nhận các đơn hàng mới trong 6 tháng cuối năm là phù hợp.
- Sau thuế, Công ty lãi chỉ 65 triệu đồng, chênh lệch lớn so với kế hoạch đã đặt ra là lãi 4,8 tỷ đồng. Việc này chủ yếu do các chi phí đã chi trong 6 tháng đầu năm để xây dựng, mở rộng hoạt động kinh doanh, đẩy mạnh các chương trình bán hàng đã chưa thể mang lại doanh thu như kỳ vọng vì lý do đã nêu ở trên.

Ban lãnh đạo Công ty đã không ngừng nỗ lực để điều chỉnh linh hoạt các hoạt động kinh doanh để phù hợp với các diễn biến trên thị trường, giúp Công ty tránh những tổn thất, rủi ro.

- Về phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2024:



Theo phương án phân phối lợi nhuận đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua, phần lợi nhuận đạt được trong năm 2023 được giữ lại phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh cho năm 2024 và không thực hiện chi trả cổ tức.

• **Về mức thù lao của HĐQT và BKS năm 2024:**

- Việc chi trả thù lao cho thành viên HĐQT và BKS trong năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua chi tiết như sau:

Chủ tịch HĐQT	:	10.000.000 đồng/ tháng
Phó Chủ tịch HĐQT	:	8.000.000 đồng/ tháng
Thành viên HĐQT	:	3.000.000 đồng/ tháng
Trưởng BKS	:	3.000.000 đồng/ tháng
Thành viên BKS	:	2.000.000 đồng/ tháng

- Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động, nhận thấy tình hình công ty còn khó khăn, các thành viên HĐQT và BKS thống nhất tạm thời không nhận thù lao cho đến khi hoạt động sản xuất kinh doanh dần ổn định.
- Các chi phí hoạt động của HĐQT được thực hiện đúng quy định của Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty.

• **Về lựa chọn đơn vị kiểm toán:**

Theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT đã thực hiện chọn Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) là đơn vị thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính cho cả năm 2024. Mức phí chi trả cho dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2024 và cho năm tài chính 2024 là 108.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng chẵn) (chưa bao gồm thuế GTGT) (Theo Hợp đồng Kiểm toán số 225/HĐKT/TC/2024/AASCS được ký kết ngày 12/06/2024).

• **Về ban hành Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) và Quy chế :**

Công ty đã hoàn tất việc chỉnh sửa Điều lệ (sửa đổi, bổ sung lần thứ 04) ngày 11/04/2024 và ban hành các Quy chế gồm Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (sửa đổi, bổ sung lần 01); Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (sửa đổi, bổ sung lần 01) và Quy chế nội bộ về quản trị công ty (sửa đổi, bổ sung lần 01) sau khi ĐHĐCĐ thường niên 2024 ngày 11/04/2024 thông qua để phù hợp với kết cấu và nội dung theo quy định của pháp luật doanh nghiệp.

• **Về việc thay đổi tên và trụ sở làm việc của Công ty:**

Trong năm 2024, Công ty chưa thực hiện việc thay đổi tên và trụ sở làm việc do chưa có điều kiện phù hợp. Công ty tiếp tục trình ĐHĐCĐ thường niên 2025 để thực hiện vào thời điểm thích hợp năm 2025.

**ii. Kết quả thực hiện nhiệm vụ quản trị Công ty:**

HĐQT thực hiện nhiệm vụ quản trị, chỉ đạo theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Năm 2024, tiếp tục những biến động của nền kinh tế, những ảnh hưởng sâu sắc của biến động vĩ mô kéo dài đòi hỏi HĐQT luôn phải chắc tay lái, vững tay chèo để vượt sóng cả. Trong thời điểm khó khăn, vai trò HĐQT được phát huy và ứng phó kịp thời những quyết sách quan trọng, đảm bảo thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ đã được ĐHĐCĐ thông qua, đáp ứng quy định Điều lệ Công ty và pháp luật quy định. Theo đó, HĐQT đã kịp thời quyết định các vấn đề phát sinh trong hoạt động của Công ty hoặc các vấn đề khác trong các kỳ họp định kỳ hoặc bất thường thuộc thẩm quyền của HĐQT, cụ thể:

**• Công tác kiện toàn mô hình tổ chức và nhân sự:**

Nhận thức được tầm quan trọng của lực lượng nhân sự trong việc phát triển hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trong năm 2024, Ban lãnh đạo đã thúc đẩy các chính sách nhân sự nhằm đảm bảo quyền lợi cho người lao động, đồng thời tạo sự gắn kết chặt chẽ giữa cán bộ nhân viên và doanh nghiệp, trong đó tập trung quan tâm và có chính sách phúc lợi nhằm thu hút tạo sự gắn bó làm việc lâu dài.

**• Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, trách nhiệm với cộng đồng, nâng cao đời sống CBNV, đảm bảo quyền lợi cổ đông và tuân thủ quy định pháp luật:**

- Thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước đầy đủ và kịp thời. Năm 2024, Công ty cổ phần HTC Holding đã nộp ngân sách Nhà nước 189.350.674 đồng.
- Để củng cố và nâng cao tinh thần, giữ vững lòng tin cho CBNV để cùng nhau vượt qua hành trình đầy khó khăn, HĐQT của CET vẫn đảm bảo chi trả lương, thưởng, các phúc lợi đầy đủ cho CBNV.
- Hoạt động của HĐQT và các thành viên HĐQT luôn trung thành với lợi ích cổ đông và Công ty, nỗ lực triển khai nhiều chương trình thông tin tốt, góp phần đưa giá trị doanh nghiệp ngày càng tăng.

**2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

**• Kết quả giám sát đối với Ban điều hành:**

HĐQT thực hiện giám sát công tác quản lý, điều hành của Ban điều hành thông qua tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024. Công tác giám sát Ban điều hành thường xuyên, kịp thời đưa ra các chủ trương, định hướng nhằm tháo gỡ khó khăn, bất cập trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đánh giá công tác Ban điều hành Công ty như sau:

- Ban điều hành đã khẩn trương, nghiêm túc quán triệt thực hiện theo đúng các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, đưa ra các giải pháp cụ thể, triển khai nhiệm vụ cụ thể trong từng thời điểm của từng thành viên trong Ban điều hành để triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT được đầy đủ và kịp thời.
- Năm 2024, mặc dù kết quả kinh doanh không đạt được kế hoạch đã đề ra ở đầu năm do thay đổi trong chiến lược quản trị rủi ro liên quan đến diễn biến khó đoán của giá cả các mặt hàng lương thực như lúa gạo tác động đến nguồn doanh thu của CET. Ban điều hành đã có những chỉ đạo kịp thời để tối ưu hóa chi phí và đưa ra những điều chỉnh kịp thời để giảm thiểu rủi ro cho Công ty.
- Ban điều hành cũng đã dần hoàn thiện các quy trình, quy chế về vận hành đối với từng phòng ban nghiệp vụ nhằm đảm bảo hoạt động phối hợp được chặt chẽ, thông suốt, mang lại hiệu quả.
- Ban điều hành và các cán bộ quản lý Công ty có sự quyết tâm cao để tiếp tục theo đuổi các mục tiêu, kế hoạch kinh doanh mà HĐQT đề ra.

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

#### i. Các định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024:

Trong năm 2025, với những diễn biến phức tạp, khó đoán của tình hình vĩ mô, CET sẽ thúc đẩy các hoạt động kinh doanh theo hai hướng song song, vừa tập trung vào những mặt hàng nông nghiệp truyền thống như lúa gạo nhằm tạo nguồn doanh thu ổn định, vừa nghiên cứu, tìm hiểu mở rộng thêm các mặt hàng phục vụ sản xuất nông nghiệp như phân bón.

- **Tập trung mặt hàng lúa gạo chủ lực:**

- Trong bối cảnh nhà xuất khẩu lúa gạo lớn nhất Thế giới - Ấn Độ với hơn 40% thị phần – đang dần tháo bỏ các biện pháp hạn chế xuất khẩu gạo đã được áp dụng từ tháng 7/2022, thị trường lúa gạo xuất khẩu sẽ trải qua sự cạnh tranh mạnh mẽ. Tuy nhiên, trong 2 năm qua, sản phẩm lúa gạo Việt Nam đã tận dụng được cơ hội để tạo ra sự bứt phá về thị phần đồng thời xây dựng được phân khúc riêng là lúa gạo chất lượng cao (chiếm 80% sản lượng xuất khẩu), không cạnh tranh nhiều với phân khúc gạo chất lượng thấp.
- Tuy nhiên, giá cả mặt hàng này nhiều khả năng vẫn sẽ có những đợt biến động bất thường ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của các doanh nghiệp phân phối như CET. Để giải quyết triệt để rủi ro này, HĐQT và Ban điều hành đang trong quá trình tìm hiểu để mua lại một nhà máy sản xuất gạo nhằm giảm thiểu các rủi ro liên quan đến biến động giá từ nhà cung cấp.

- **Nghiên cứu mở rộng các mặt hàng khác:**

- Sau khi tìm hiểu nhu cầu của thị trường, HĐQT và Ban điều hành của CET đánh giá việc mở rộng thêm danh mục sản phẩm phục vụ sản xuất nông nghiệp như phân bón là phương án rất khả thi. Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện đánh giá, nghiên cứu chi tiết hơn về toàn bộ chuỗi cung ứng và tìm kiếm cơ hội, thời điểm khả thi để Công ty có thể gia nhập lĩnh vực này

**ii. Các định hướng hoạt động HĐQT năm 2024**

- **Chiến lược nhân sự:**

- Xây dựng đội ngũ nhân sự nòng cốt, mỗi cán bộ quản lý phải luôn đi đầu, tạo sự tin tưởng, nâng tầm chuyên nghiệp, mỗi CBNV tuân thủ, kỷ cương, xây dựng CET thành một đội hình có tính kỷ luật cao.

- **Chiến lược cổ đông:**

- Xây dựng được lòng tin, tăng cường trao đổi thông tin với cổ đông, nâng cao sự hiểu biết giữa CET và cổ đông, trân trọng từng cổ đông và đảm bảo hiệu quả cho sự đầu tư của cổ đông với mức chia cổ tức tốt nhất và giá trị cổ phiếu phản ánh đầy đủ nội tại của doanh nghiệp.
- Tiếp tục mở rộng về số lượng và nâng cao về chất lượng của cổ đông.

- **Chiến lược vốn:**

- Tận dụng và tăng cường huy động vốn tài trợ để bắt kịp các cơ hội kinh doanh.
- Tăng cường vốn tự có, giữ tỷ lệ an toàn vốn ở mức hợp lý để giảm rủi ro.
- Giảm chi phí tài trợ vốn, tìm kiếm những giải pháp để tăng giá trị và margin tài sản.

- **Xây dựng lợi thế cạnh tranh của CET:**

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp gắn kết, mà ở đó mỗi CBNV có thể phát huy năng lực, thể hiện tinh thần trách nhiệm và gắn kết.
- Phát triển các mối quan hệ xã hội, chia sẻ trách nhiệm cộng đồng, gắn kết hoạt động của doanh nghiệp với cộng đồng, quan tâm đến công tác an sinh xã hội.

## **V. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

### **1. Hội đồng quản trị**

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT/	Chức vụ/	Số cổ phiếu sở hữu *	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	Thay đổi trong năm 2024 so với 31/12/2023
1	Nguyễn Thế Tài	Chủ tịch HĐQT	605.000	10%	Thông qua bổ nhiệm vị trí Chủ tịch HĐQT ngày 11/04/2024
2	Nguyễn Mạnh Chiến	Phó Chủ tịch HĐQT	0	0%	Thông qua bổ nhiệm vị trí Phó Chủ tịch HĐQT ngày 11/04/2024
3	Trần Hoàng Anh Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT	1.044.052	17,26%	
4	Nguyễn Quốc Phương	Thành viên HĐQT	0		
5	Đỗ Văn Đạt	Thành viên HĐQT	0	0%	Thông qua miễn nhiệm ông Đỗ Văn Đạt vị trí Chủ tịch HĐQT và bổ nhiệm vị trí Thành viên HĐQT ngày 11/04/2024
6	Lý Thế Vinh	Thành viên HĐQT	0	0%	Thông qua bổ nhiệm vị trí Thành viên HĐQT ngày 11/04/2024
7	Hà Lê Thúy Vy	Thành viên độc lập HĐQT	0	0%	
8	Trần Thị Kiều Tiên	Thành viên độc lập HĐQT	0	0%	Thông qua bổ nhiệm vị trí Thành viên độc lập HĐQT ngày 11/04/2024
9	Trần Việt Tuấn	Thành viên độc lập HĐQT	0	0%	Thông qua bổ nhiệm vị trí Thành viên độc lập

					HDQT ngày 11/04/2024
--	--	--	--	--	----------------------

\*Số lượng và tỷ lệ sở hữu cổ phiếu được chốt tại thời điểm 31/12/2024

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không thành lập

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2024, HĐQT đã tổ chức các phiên họp thường kỳ và đột xuất vào từng thời điểm nhằm thông qua các quyết sách kịp thời đáp ứng công tác tổ chức bộ máy, công tác nhân sự, dự án đầu tư, góp vốn đầu tư, giao dịch huy động vốn, xây dựng kế hoạch hoạt động, ban hành các quy chế quản trị, quy định nội bộ, v.v. ...

Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ, thông qua các chủ trương và giao nhiệm vụ cho Ban điều hành giải quyết các vấn đề cụ thể trên cơ sở chủ trương đã được thông qua, kịp thời giải quyết những đề nghị của Ban điều hành phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều dựa trên sự nhất trí, đồng thuận cao của các thành viên HĐQT. Trong năm 2024, HĐQT đã có 23 phiên họp và đã ban hành 29 Nghị quyết và Quyết định. Cụ thể:

STT	Thành viên HĐQT	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Số buổi họp HĐQT tham dự trong 2024	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Đỗ Văn Đạt	Bổ nhiệm ông Đỗ Văn Đạt vị trí Chủ tịch HĐQT ngày 07/07/2023  Bổ nhiệm ông Đỗ Văn Đạt vị trí Thành viên HĐQT ngày 11/04/2024	Miễn nhiệm ông Đỗ Văn Đạt vị trí Chủ tịch HĐQT kể từ ngày 11/04/2024	23/23	100%	
2	Trần Hoàng Anh Tuấn	07/07/2023		23/23	100%	
3	Nguyễn Quốc Phương	07/07/2023		23/23	100%	
4	Hà Lê Thúy Vy	07/07/2023		23/23	100%	



5	Lê Hoàng Đài Trang	Bổ nhiệm bà Lê Hoàng Đài Trang vị trí Chủ tịch HĐQT ngày 23/06/2022  Bổ nhiệm bà Lê Hoàng Đài Trang vị trí Thành viên HĐQT ngày 07/07/2023	Miễn nhiệm bà Lê Hoàng Đài Trang vị trí Chủ tịch HĐQT kể từ ngày 07/07/2023  Miễn nhiệm bà Lê Hoàng Đài Trang vị trí Thành viên HĐQT kể từ ngày 11/04/2024	11/11	100%	
6	Nguyễn Thế Tài	11/04/2024		12/12	100%	
7	Nguyễn Mạnh Chiến	11/04/2024		12/12	100%	
8	Lý Thế Vinh	11/04/2024		12/12	100%	
9	Trần Thị Kiều Tiên	11/04/2024		12/12	100%	
10	Trần Việt Tuấn	11/04/2024		12/12	100%	

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2024:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Tên công văn	Ngày	Tỷ lệ thông qua	Nghĩa vụ CBTT
1	02/2024/NQ-HĐQT-CET	Triển khai tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	30/01/2024	100%	Đã CBTT ngày 30/01/2024
2	03/2024/NQ-HĐQT-CET	Thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024	02/02/2024	100%	Không thuộc nội dung CBTT theo Thông tư 96/2020/TT-BTC
3	05/2024/NQ-HĐQT-CET	Thành lập địa điểm kinh doanh Công ty cổ phần HTC Holding	20/02/2024	100%	Đã CBTT ngày 20/02/2024

4	06/2024/NQ-HĐQT-CET	Điều chỉnh mốc thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2024	21/02/2024	100%	Đã CBTT ngày 22/02/2024
5	08/2024/NQ-HĐQT-CET	Phê duyệt giao dịch giữa Công ty cổ phần HTC Holding với người liên quan	05/03/2024	100%	Đã CBTT ngày 05/03/2024
6	09/2024/NQ-HĐQT-CET	Thoái toàn bộ vốn góp của CTCP HTC Holding tại CTCP Thương mại An Phát Holding	14/03/2024	100%	Đã CBTT ngày 14/03/2024
7	10/2024/NQ-HĐQT-CET	Thông qua tiếp nhận đơn từ nhiệm TV.HĐQT và TV, Ban Kiểm soát, thông qua Danh sách cổ đông, Ban kiểm tra tư cách cổ đông, nội dung tài liệu trình ĐHĐCĐ thường niên 2024	21/03/2024	100%	Đã CBTT ngày 21/03/2024
8	11/2024/NQ-HĐQT-CET	Thông qua Danh sách ứng viên TV.HĐQT, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028 và điều chỉnh nội dung tài liệu trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024	01/04/2024	100%	Đã CBTT ngày 01/04/2024
9	12/2024/NQ-HĐQT-CET	Góp vốn bổ sung vào CTCP Đầu tư Diamond Park	01/04/2024	100%	Đã CBTT ngày 02/04/2024
10	14/2024/NQ-HĐQT-CET	Thôi nhiệm Phó Tổng Giám đốc phụ trách Chiến lược Phát triển CTCP HTC Holding	03/04/2024	100%	Đã CBTT ngày 03/04/2024
11	15/2024/NQ-HĐQT-CET	Thôi nhiệm Phó Tổng Giám đốc phụ trách Chiến lược Phát triển CTCP HTC Holding	03/04/2024	100%	Đã CBTT ngày 03/04/2024
12	16/2024/NQ-HĐQT-CET	Thông qua giao dịch liên quan	03/04/2024	100%	Đã CBTT ngày 03/04/2024
13	17/2024/NQ-HĐQT-CET	Tiếp nhận Đơn kiến nghị của Cổ đông lớn và thông qua cập nhật bổ sung nội dung, tài liệu và danh sách ứng viên trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	09/04/2024	100%	Đã CBTT ngày 09/04/2024

14	18/2024/NQ-HĐQT-CET	QĐ HĐQT v/v Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (sửa đổi, bổ sung lần thứ 01)	11/04/2024	100%	Không thuộc nội dung CBTT theo Thông tư 96/2020/TT-BTC/
15	20/2024/NQ-HĐQT-CET	QĐ HĐQT v/v Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (sửa đổi, bổ sung lần thứ 01)/	11/04/2024	100%	Không thuộc nội dung CBTT theo Thông tư 96/2020/TT-BTC/
16	22/2024/NQ-HĐQT-CET	NQ HĐQT v/v Thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công ty	12/04/2024	100%	Đã CBTT ngày 12/04/2024
17	23/2024/NQ-HĐQT-CET	Thông qua giao dịch liên quan	06/05/2024	100%	Đã CBTT ngày 06/05/2024
18	24/2024/NQ-HĐQT-CET	Thông qua các chủ trương hoạt động kinh doanh Công ty/	09/05/2024	100%	Không thuộc nội dung CBTT theo Thông tư 96/2020/TT-BTC/
19	25/2024/NQ-HĐQT-CET	Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024	12/06/2024	100%	Đã CBTT ngày 12/06/2024
20	26/2024/NQ-HĐQT-CET	NQ HĐQT v/v Tìm kiếm cơ hội đầu tư, hợp tác kinh doanh	05/07/2024	100%	Không thuộc nội dung CBTT theo Thông tư 96/2020/TT-BT
21	27/2024/NQ-HĐQT-CET	NQ HĐQT v/v Tìm kiếm cơ hội đầu tư, hợp tác kinh doanh	08/07/2024	100%	Không thuộc nội dung CBTT theo Thông tư 96/2020/TT-BTC

22	26.1/2024/NQ-HĐQT-CET	NQ HĐQT v/v Điều chỉnh khoản tạm ứng thành khoản cho vay	15/08/2024	100%	Không thuộc nội dung CBTT theo Thông tư 96/2020/TT-BT
23	27.1/2024/NQ-HĐQT-CET	NQ HĐQT v/v Điều chỉnh khoản tạm ứng thành khoản cho vay	16/08/2024	100%	Không thuộc nội dung CBTT theo Thông tư 96/2020/TT-BTC
24	28/2024/NQ-HĐQT-CET	NQ HĐQT v/v Thay đổi vị trí Kế toán trưởng	11/11/2024	100%	Đã CBTT ngày 11/11/2024
25	29/2024/QĐ-HĐQT-CET	QĐ HĐQT v/v Thôi nhiệm vị trí Kế toán trưởng	11/11/2024	100%	Đã CBTT ngày 11/11/2024
26	30/2024/QĐ-HĐQT-CET	QĐ HĐQT v/v Bổ nhiệm vị trí Kế toán trưởng	11/11/2024	100%	Đã CBTT ngày 11/11/2024
27	31/2024/QĐ-HĐQT-CET	QĐ HĐQT v/v Thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ	25/12/2024	100%	Không thuộc nội dung CBTT theo Thông tư 96/2020/TT-BTC
28	32/2024/NQ-HĐQT-CET	NQ HĐQT v/v Bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh	27/12/2024	100%	Đã CBTT ngày 27/12/2024
29	33/2024/QĐ-HĐQT-CET	QĐ HĐQT v/v Ban hành Quy chế Kiểm toán nội bộ	30/12/2024	100%	Không thuộc nội dung CBTT theo Thông tư 96/2020/TT-BTC

d) Đánh giá của Thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của HĐQT.

Hoạt động của HĐQT CET trong năm 2024 đã được tổ chức, triển khai tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành, thực hiện đầy đủ các nội dung tại Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các nội dung được ĐHĐCĐ ủy quyền, thể hiện vai trò lãnh đạo sáng tạo và năng động trong việc định hướng chiến lược kinh doanh và giám sát thực thi cũng như quản trị rủi ro, đóng góp tích cực vào kết quả hoạt động chung của Công ty.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: *Không tổ chức*

## 2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Mai	Trưởng ban	0	0%	Thôi nhiệm ngày 11/04/2024
2	Nguyễn Thu Hà	Thành viên	0	0%	
3	Trịnh Quyết Tiến	Thành viên	0	0%	
4	Hồ Thị Minh Hiếu	Trưởng ban	0	0%	Bổ nhiệm ngày 11/04/2024

\*Số lượng và tỷ lệ sở hữu cổ phiếu được chốt tại thời điểm 31/12/2024

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

### i. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Thực hiện công tác giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và ban điều hành Công ty. Tham dự và bám sát các nội dung tại các phiên họp của Hội đồng quản trị để giám sát tình hình quản trị, điều hành hoạt động Công ty.
- Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hàng năm, bao gồm giai đoạn soát xét báo cáo tài chính bán niên 6 tháng và báo cáo tài chính kết thúc niên độ kế toán.

**ii. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát năm 2024**

Stt.	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Ngày không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Nguyễn Thị Mai	Trưởng ban	07/07/2023	11/04/2024	02/02	100%
2	Nguyễn Thu Hà	Thành viên	07/07/2023		04/04	100%
3	Trịnh Quyết Tiến	Thành viên	07/07/2023		04/04	100%
4	Hồ Thị Minh Hiếu	Trưởng ban	11/04/2024		02/02	100%

**iii. Kết quả công tác giám sát năm 2024**

• **Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024:**

Năm 2024, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành các nhiệm vụ được quyết nghị trong Nghị quyết đại hội đồng cổ đông nêu ra như:

- Thực hiện công tác tuyển dụng, điều phối, bổ nhiệm nhân sự theo sát yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Giám sát việc thực hiện các báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường kịp thời theo quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan.
- Các hoạt động liên quan vay vốn được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự.

• **Giám sát tình hình tài chính năm 2024:**

Ban kiểm soát cơ bản thống nhất với các ý kiến của Kiểm toán viên độc lập về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Căn cứ báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2024 và số liệu phân tích do Ban điều hành trình bày tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đánh giá:

- Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty và được trình bày theo các mẫu báo cáo quy định, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành.



- Về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tổng doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 21,30% và 1,34% kế hoạch. Doanh thu của Công ty giảm 9,09%, trong khi chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp lần lượt đạt 3,6 tỷ đồng, 2,2 tỷ đồng tăng lần lượt 21,80% và 284,31% so với năm 2023 dẫn đến lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2024. Ngoài ra, trong 6 tháng cuối năm, Công ty không nhận thêm đơn hàng do lo ngại về rủi ro liên quan đến biến động giá cả hàng hóa. BKS đánh giá đây là quyết định an toàn và so sánh với diễn biến giá gạo xuất khẩu phức tạp trong thời gian vừa qua thì việc tạm ngưng nhận các đơn hàng là hợp lý. Tuy nhiên công ty cần có chiến lược phù hợp để phòng tránh rủi ro nhưng đồng thời tạo ra nguồn doanh thu.
- Về tình hình tài chính, tổng tài sản của Công ty năm 2024 giảm 13,5%, sự sụt giảm này chủ yếu đến từ việc công ty hoàn tất thoái vốn đầu tư tại Công ty TNHH Thương mại An Phát Holding. Nguồn vốn thu hồi được dùng để chi trả, tất toán một số khoản vay ngắn hạn làm hệ số thanh toán ngắn hạn (Nợ ngắn hạn/ Tài sản ngắn hạn) được cải thiện đáng kể từ 1,17 lên 4,99 và tỷ lệ đòn bẩy (Tổng nợ/ Tổng tài sản) giảm từ 18,9% xuống 6,2%. Việc này làm giảm các áp lực chi phí lãi vay cho Công ty.

Sau đây là một số thông tin về tình hình tài chính hợp nhất và kết quả kinh doanh của Công ty:

**Tình hình tài sản, nguồn vốn:**

Tình hình tăng giảm tài sản, nguồn vốn năm 2024			ĐVT: triệu đồng	
Chỉ tiêu	Ngày 01/01/2024	Ngày 31/12/2024	Thay đổi	% Thay đổi
Tài sản ngắn hạn	18.403	22.402	3.999	21,73%
Tài sản dài hạn	64.685	49.498	-15.187	-23,48%
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>83.088</b>	<b>71.901</b>	<b>-11.187</b>	<b>-13,46%</b>
Nợ ngắn hạn	15.732	4.480	-11.252	-71,52%
Nợ dài hạn	-	-	-	-
Vốn chủ sở hữu	67.355	67.420	65	0,10%
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>83.088</b>	<b>71.901</b>	<b>-11.187</b>	<b>-13,46%</b>

**Kết quả hoạt động kinh doanh:**

<i>Kết quả kinh doanh thực hiện năm 2024 so với thực hiện năm 2023</i>			<i>ĐVT: triệu đồng</i>	
<b>Chỉ tiêu</b>	<b>TH năm 2023</b>	<b>TH năm 2024</b>	<b>Thay đổi</b>	<b>% Thay đổi</b>
Doanh thu thuần	93.727	85.209	(8.518)	(9,09%)
Lợi nhuận thuần hoạt động sản xuất kinh doanh	161	204	43	26,71%
Lợi nhuận trước thuế	143	190	47	32,87%
Lợi nhuận sau thuế	112	65	(47)	(41,96%)

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát (tính tới 31/12/2024):**

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

**i. Quyết toán thù lao HĐQT và BKS năm 2024:**

<b>Chức vụ tại Công ty</b>	<b>Thù lao được duyệt tại ĐHĐCĐ thường niên 2024</b>	<b>Thực tế đã chi trong năm 2024</b>
Chủ tịch HĐQT	10.000.000 đồng/tháng	Thực tế trong năm 2024, căn cứ theo tình hình còn nhiều khó khăn, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã thống nhất không nhận thù lao.  Như vậy, tổng cộng chi thù lao năm 2024 đã thực hiện là: <b>0 đồng</b> .
Phó Chủ tịch HĐQT	8.000.000 đồng/tháng	
Thành viên HĐQT	3.000.000 đồng/tháng	
Trưởng BKS	3.000.000 đồng/tháng	
Thành viên BKS	2.000.000 đồng/tháng	

**ii. Quyết toán tiền lương Người quản lý:**

Tổng số tiền lương chi trả cho Ban điều hành và Người quản lý khác của Công ty trong năm 2024 là: **217.682.900 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm mười bảy triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn chín trăm đồng). Cụ thể:

STT	Họ tên	Chức vụ	Ghi chú	Số tiền (đồng)
1	Nguyễn Quốc Phương	Tổng Giám đốc		87.562.500
2	Trần Thị Thảo Trang	Phó TGD miền Nam		0
3	Lê Hoàng Đài Trang	Phó TGD phụ trách Chiến lược Phát triển Công ty	(Miễn nhiệm ngày 03/04/2024)	0
4	Trần Thị Thanh Nhân	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	(Bổ nhiệm vị trí Kế toán trưởng ngày 11/11/2024)	8.421.052
5	Trịnh Phương Anh	Kế toán trưởng	(Miễn nhiệm ngày 11/04/2024)	121.699.348
<b>Tổng cộng:</b>				<b>217.682.900</b>

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty trong năm 2024:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Bùi Thị Hải Yến	Cổ đông lớn	1.300.000	21,49%	1.346.948	22,26%	Mua cổ phiếu
2	Công ty cổ phần Đầu tư Vian Hà Nội	Cổ đông lớn/ Bên liên quan của Người nội bộ (ông Nguyễn Quốc Phương)	1.000.000	16.53%	0	0%	Bán cổ phiếu
3	Nguyễn Thế Tài	Người nội bộ (Chủ tịch HĐQT)	0	0%	605.000	10%	Mua cổ

							phiếu
4	Trần Hoàng Anh Tuấn	Người nội bộ (Phó Chủ tịch HĐQT)	696.000	11,50%	1.044.052	17,26%	Mua cổ phiếu

c) Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (đồng)	Ghi chú
1.	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Minh Phương Nam	Bên có liên quan với người nội bộ Công ty	+ Số ĐKKD: 0105665227 + Ngày cấp: 23/11/2011 + Nơi cấp: Sở KH & Đầu tư Hà Nội	Số nhà 33, ngõ 195, tổ 20, phố Vũ Xuân Thiều, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội	Phát sinh theo nhu cầu cho từng thời điểm trong năm 2024	Thông qua tại Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐQT-CET ngày 05/03/2024	19.802.382.950 đồng	Mua bán hàng hóa
2.	Công ty cổ phần Đầu tư Vian Hà Nội/	Bên có liên quan với người nội bộ Công ty	+ Số ĐKKD: 0109734778 + Ngày cấp: 18/08/2021 + Nơi cấp: Sở KH & Đầu tư Hà Nội	Số nhà 33, ngõ 195, tổ 20, phố Vũ Xuân Thiều, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội	Phát sinh theo nhu cầu cho từng thời điểm trong năm 2024	Thông qua tại Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐQT-CET ngày 03/04/2024	90.000.000 đồng	Thuê văn phòng
3.	Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Vinh Khang	Bên có liên quan với người nội bộ Công ty	+ Số ĐKKD: 0302531991 + Ngày cấp: 01/02/2002 + Nơi cấp: Sở KH & Đầu tư Tp Hồ Chí Minh	8-10 Đường 25A, Phường 10, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh	Phát sinh theo nhu cầu cho từng thời điểm trong năm 2024	Thông qua tại Nghị quyết số 23/2024/NQ-HĐQT-CET ngày 06/05/2024	170.229.168 đồng	Mua bán bao bì đóng gói theo tiêu chuẩn xuất khẩu

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (đồng)	Ghi chú
4.	Trần Hoàng Anh Tuấn	Người nội bộ			Ngày 14/07/2024	Thông qua tại Nghị quyết số 32/2024/NQ-HĐQT-CET ngày 27/12/2024	3.500.000.000 đồng	Vay vốn phục vụ hoạt động kinh doanh

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

**i. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị**

- **Kiểm soát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành năm 2024:**
  - Ban kiểm soát đánh giá Hội đồng quản trị nỗ lực tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật.
  - Hội đồng quản trị đã tiến hành họp thường xuyên, bám sát hoạt động thực tế của Công ty, đưa ra các quyết định kịp thời, phù hợp. Định hướng và hỗ trợ Ban điều hành triển khai thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và xử lý các tồn tại, vướng mắc trong hoạt động kinh doanh.
  - Ban điều hành đã tích cực triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đề ra. Công tác kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý thu chi đúng quy chế tài chính của Công ty.
  - Các phòng ban nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ. Kết quả làm việc được báo cáo hàng tháng để cập nhật tình hình kịp thời tới Ban lãnh đạo.
- **Kết quả phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông:**



- Hội đồng quản trị, Ban điều hành tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát thực hiện các chức năng, nhiệm vụ. Ban kiểm soát cùng Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc phối hợp thực hiện các nhiệm vụ, chia sẻ kịp thời các thông tin liên quan đến tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính của Công ty.
- Ban kiểm soát đã cùng tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị để thực hiện việc giám sát và có ý kiến trực tiếp với các vấn đề thuộc quyền hạn của Ban kiểm soát.
- Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc luôn sẵn sàng phối hợp với cổ đông theo tinh thần của Luật Doanh nghiệp hiện hành để giải quyết những vấn đề cổ đông quan tâm.

## **ii. Kiến nghị của Ban Kiểm soát**

Thông qua hoạt động giám sát, Ban kiểm soát có một số kiến nghị tới Hội đồng quản trị, Ban điều hành như sau:

- Thường xuyên theo dõi tình hình biến động của kinh tế vĩ mô, phân tích đánh giá tác động tới doanh nghiệp để có các giải pháp hiệu quả và kịp thời trong công tác quản trị, điều hành.
- Tiếp tục nâng cao công tác quản lý, quản trị để không ngừng nâng cao giá trị Công ty và tối đa hóa lợi ích cổ đông.
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình nội bộ đảm bảo quản lý khoa học, hiệu quả.
- Tiếp tục hoàn thiện chiến lược đào tạo nguồn nhân lực, chiến lược phát triển thương hiệu Công ty.
- Thường xuyên động viên, khích lệ tinh thần cán bộ nhân viên để có sự sáng tạo, đột phá trong tư duy của từng cá nhân, tổ chức và hướng tới các giải pháp tối ưu trong từng hoạt động ở các cấp quản trị để sử dụng, phát triển các nguồn lực hiệu quả.

## **VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 của Công ty cổ phần HTC Holding được đính kèm cùng với báo cáo này.



*Nơi nhận:*

*Recipients:*

- Như trên;
- Lưu: VT, ...

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TRẦN HOÀNG ANH TUẤN

(Theo Giấy ủy quyền của Chủ tịch HĐQT số  
01/2025/UQ-HĐQT-HTC ngày 18/03/2025)

# CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

## MỤC LỤC

Nội dung	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
- Bảng cân đối kế toán	08 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 29



## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần HTC Holding (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần HTC Holding (tiền thân là Công ty Cổ phần Tech - Vina) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104230142 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 28/10/2009. Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần HTC Holding theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13, ngày 25/05/2021 và đăng ký thay đổi lần gần nhất là lần thứ 16 ngày 10/05/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 60.500.000.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 60.500.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại Số 4 tầng 4, tòa nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty hiện được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã “CET”.

### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Thương mại.

### **3. Ngành nghề kinh doanh chính**

- Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên;
- Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (Trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng và ván mỏng khác;
- Bán buôn vật liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn vật liệu và các thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ, vật liệu tết bện;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (trừ loại Nhà nước cấm);

- ....

### **4. Kết quả hoạt động kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

### **5. Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính này.



**6. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Đại diện Pháp luật****Hội đồng Quản trị**

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Thế Tài	Chủ tịch	11/04/2024	
Ông Đỗ Văn Đạt	Chủ tịch		11/04/2024
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	Phó Chủ tịch	11/04/2024	
Ông Trần Hoàng Anh Tuấn	Phó Chủ tịch		
Ông Nguyễn Quốc Phương	Thành viên		
Bà Lê Hoàng Đài Trang	Thành viên		11/04/2024
Ông Đỗ Văn Đạt	Thành viên	11/04/2024	
Ông Lý Thế Vinh	Thành viên	11/04/2024	
Bà Hà Lê Thúy Vy	Thành viên độc lập		
Bà Trần Thị Kiều Tiên	Thành viên độc lập	11/04/2024	
Ông Trần Việt Tuấn	Thành viên độc lập	11/04/2024	

**Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Quốc Phương	Tổng Giám đốc		
Bà Lê Hoàng Đài Trang	Phó Tổng Giám đốc		03/04/2024
Bà Trần Thị Thảo Trang	Phó Tổng Giám đốc		
Bà Trịnh Phương Anh	Kế toán trưởng		11/11/2024
Bà Trần Thị Thanh Nhân	Giám đốc tài chính		
Bà Trần Thị Thanh Nhân	Kế toán trưởng	11/11/2024	

**Ban Kiểm soát**

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Bà Hồ Thị Minh Hiếu	Trưởng ban	11/04/2024	
Bà Nguyễn Thị Mai	Trưởng ban		11/04/2024
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên		
Ông Trịnh Quyết Tiến	Thành viên		

**Đại diện pháp luật**

Ông Nguyễn Thế Tài
Ông Nguyễn Quốc Phương

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

**7. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

5011  
CÔNG  
TNI  
H VU  
HINH  
KIEM  
PHIA I  
T.P



**8. Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị với Báo cáo tài chính**

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Hội đồng Quản trị của Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính này;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị của Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị của Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**9. Cam kết khác**

Hội đồng Quản trị cam kết rằng Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

TP. Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

**TM. Hội đồng Quản trị**

**Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị**



**Trần Hoàng Anh Tuấn**

(Theo Giấy ủy quyền của Chủ tịch HĐQT  
số 01/2025/UQ-HĐQT-HTC ngày 18/03/2025)



Số: 391 /BCKT/TC/2025/AASCS

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
**CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần HTC Holding được lập ngày 28 tháng 03 năm 2025 từ trang 08 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần HTC Holding tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2025*

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam**

**Phó Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Vũ**

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 0699-2023-142-1

**Kiểm toán viên**

**Trần Nguyễn Hoàng Mai**

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 1755-2023-142-1

50117  
CÔNG TY  
TNHH  
H VU TU  
HINH KE  
KIEM TO  
PHIA NAM  
TP HO

Mẫu số B 01 – DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>22.402.279.988</b>	<b>18.402.860.295</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.01	<b>61.749.541</b>	<b>10.526.158.207</b>
1. Tiền	111		61.749.541	10.526.158.207
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>21.771.637.433</b>	<b>7.653.178.316</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	254.720.400	1.155.880.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	1.155.880.000	6.487.592.960
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	18.000.000.000	
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	2.361.037.033	9.705.356
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>568.893.014</b>	<b>223.523.772</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	7.780.001	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		561.113.013	223.523.772
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>49.498.867.701</b>	<b>64.684.769.906</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.06	<b>49.000.000.000</b>	<b>64.600.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		49.000.000.000	64.600.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>498.867.701</b>	<b>84.769.906</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	498.867.701	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	84.769.906
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>71.901.147.689</b>	<b>83.087.630.201</b>



Mẫu số B 01 – DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

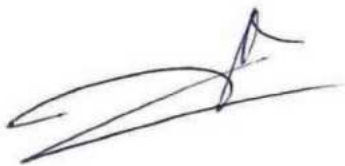
Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>4.480.779.262</b>	<b>15.732.373.391</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.480.779.262</b>	<b>15.732.373.391</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.08	100.978.979	152.000
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.09	43.603.037	121.046.931
3. Phải trả người lao động	314		113.000.000	-
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10	276.829.745	100.000.000
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	3.500.000.000	15.064.806.959
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		446.367.501	446.367.501
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>V.12</b>	<b>67.420.368.427</b>	<b>67.355.256.810</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>67.420.368.427</b>	<b>67.355.256.810</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.500.000.000	60.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.500.000.000	60.500.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		446.367.502	446.367.502
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.474.000.925	6.408.889.308
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		6.408.889.308	6.297.310.828
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		65.111.617	111.578.480
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>71.901.147.689</b>	<b>83.087.630.201</b>

Người lập biểu

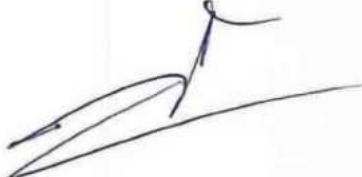
Kế toán trưởng

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị



Trần Thị Thanh Nhân



Trần Thị Thanh Nhân



Trần Hoàng Anh Tuấn

(Theo Giấy ủy quyền của Chủ tịch HĐQT  
số 01/2025/UQ-HĐQT-HTC ngày 18/03/2025)

Mẫu số B 02 – DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	85.209.344.106	93.726.778.874
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		85.209.344.106	93.726.778.874
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	80.550.160.150	89.621.680.320
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.659.183.956	4.105.098.554
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	2.158.568.259	257.971.957
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	826.574.001	679.320.426
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		722.631.153	676.578.629
8. Chi phí bán hàng	25		3.595.732.430	2.952.260.618
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	2.190.795.262	570.062.865
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		204.650.522	161.426.602
11. Thu nhập khác	31		-	24
12. Chi phí khác	32	VI.06	13.838.895	18.051.751
13. Lợi nhuận khác	40		(13.838.895)	(18.051.727)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		190.811.627	143.374.875
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.08	40.930.104	116.566.301
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.09	84.769.906	(84.769.906)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		65.111.617	111.578.480
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	11	18
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	11	18

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị



Trần Thị Thanh Nhân



Trần Thị Thanh Nhân



Trần Hoàng Anh Tuấn

(Theo Giấy ủy quyền của Chủ tịch HĐQT  
số 01/2025/UQ-HĐQT-HTC ngày 18/03/2025)



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

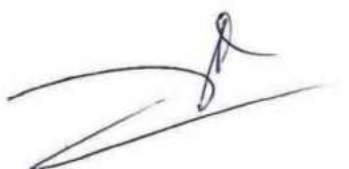
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		190.811.627	143.374.875
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.131.894.646)	(1.896.475)
- Chi phí lãi vay	06		722.631.153	676.578.629
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(218.451.866)	818.057.029
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		4.685.050.315	2.300.092.923
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		305.693.693	(7.003.801.942)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(506.647.702)	
- Tiền lãi vay đã trả	14		(722.631.153)	(676.578.629)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(118.180.873)	(288.116.040)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>3.424.832.414</b>	<b>(4.850.346.659)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(18.000.000.000)	-
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		15.600.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		75.565.879	1.896.475
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(2.324.434.121)</b>	<b>1.896.475</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		14.969.000.000	30.064.806.959
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(26.533.806.959)	(15.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(11.564.806.959)</b>	<b>15.064.806.959</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(10.464.408.666)</b>	<b>10.216.356.775</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>10.526.158.207</b>	<b>309.801.432</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>VII</b>	<b>61.749.541</b>	<b>10.526.158.207</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị



Trần Thị Thanh Nhân



Trần Thị Thanh Nhân



Trần Hoàng Anh Tuấn

(Theo Giấy ủy quyền của Chủ tịch HĐQT  
số 01/2025/UQ-HĐQT-HTC ngày 18/03/2025)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024***I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần HTC Holding (tiền thân là Công ty Cổ phần Tech - Vina) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104230142 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 28/10/2009. Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần HTC Holding theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13, ngày 25/05/2021 và đăng ký thay đổi lần gần nhất là lần thứ 16 ngày 10/05/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 60.500.000.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 60.500.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại Số 4 tầng 4, tòa nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty hiện được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã "CET".

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Thương mại.

**3. Ngành nghề kinh doanh chính**

- Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên;
- Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (Trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng và ván mỏng khác;
- Bán buôn vật liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn vật liệu và các thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ, vật liệu tết bện;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (trừ loại Nhà nước cấm);

- ....

**4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.****5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Không có đặc điểm hoạt động nào gây ảnh hưởng trọng yếu cần thiết phải công bố trên Báo cáo tài chính này.

**6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của năm tài chính trước so sánh được với số liệu của năm tài chính này.

**7. Số lượng nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 3 nhân viên (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 3 nhân viên).



**II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Kỳ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ**

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN****1. Chế độ kế toán**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền****a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

**b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày báo cáo, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá bình quân gia quyền di động.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.



**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài Công ty nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban điều hành thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.



**Dự phòng nợ phải thu khó đòi:** các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

#### **4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

##### **a. Nguyên tắc ghi nhận**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường;
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

##### **b. Phương tính giá trị hàng tồn kho**

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Đối với hàng hóa nhập bán sỉ theo lô, công ty ghi nhận giá trị hàng xuất theo phương pháp thực tế đích danh.

##### **c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

##### **d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### **5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận tài sản trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước;
- Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước.



**6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ kế toán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**7. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa chi phí đi vay**

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và nợ thuê tài chính từ các ngân hàng, công ty tài chính và các đối tượng khác.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".



**8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu****a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

**b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

**9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập****a. Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**b. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



**c. Thu nhập lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**10. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư,... được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ kế toán chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí lãi vay, lãi trái phiếu, chi phí đi vay và phát hành trái phiếu, chi phí phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư, dự phòng đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và chi phí tài chính khác.

**12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác,...

**13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.



**14. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

**15. Công cụ tài chính**

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Hội đồng quản trị Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

**16. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

0117  
ÔNG  
TNHI  
VỤ TI  
INH K  
KIỂM T  
HÓA NA  
T.P.HC

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

## 1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	50.924.655	2.522.274.655
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.824.886	8.003.883.552
<b>Cộng</b>	<b>61.749.541</b>	<b>10.526.158.207</b>

## 2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

## a. Ngắn hạn

- Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tín Thương
- Công ty TNHH Chế biến nông sản miền Tây
- Công ty TNHH Thương mại Đông Xuyên

## b. Dài hạn

## c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

(Chi tiết khoản mục này được trình bày tại Thuyết minh VIII.1.c).

## 3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

## a. Ngắn hạn

- Công ty Cổ phần GAVI
- Các nhà cung cấp khác

## b. Dài hạn

## 4. PHẢI THU VỀ CHO VAY

## a. Ngắn hạn

(\*)

- Ông Nguyễn Trung Kiên
- Bà Võ Thị Thanh Tuyền

## b. Dài hạn

Ghi chú:

(\*) Khoản cho vay được thông qua tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 26.1/2024/NQ-HĐQT-CET ngày 15/08/2024 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 27.1/2024/NQ-HĐQT-CET ngày 16/08/2024; Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất 12%/năm; Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

## 5. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>2.361.037.033</b>	-	<b>9.705.356</b>	-
- Tạm ứng	782.000.000	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	2.390.000	-	-	-
- Phải thu về lãi cho vay	1.056.328.767	-	-	-
- Phải thu khác	520.318.266	-	9.705.356	-
+ Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tín Thương	520.318.266	-	9.705.356	-
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING**

Số 4 tầng 4, tòa nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>49.000.000.000</b>	-	-	<b>64.600.000.000</b>
+ Đầu tư vào công ty con	-	-	-	-
+ Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-
+ Đầu tư vào đơn vị khác	49.000.000.000	-	-	64.600.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Diamond Park (1)	49.000.000.000	-	-	49.000.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại An Phát Holding (2)	-	-	-	15.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>49.000.000.000</b>	-	-	<b>64.600.000.000</b>

**Ghi chú:**

(1) Công ty Cổ phần HTC Holding đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Diamond Park, tỷ lệ vốn góp 16,33%. Tại ngày 31/12/2024 và ngày 31/12/2023, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để trình bày thuyết minh do không áp dụng được giá niêm yết trên thị trường chứng khoán và/hoặc các quy định hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý có sử dụng kỹ thuật định giá.

(2) Thực hiện Nghị Quyết Hội đồng quản trị số 09/2024/NQ-HĐQT-CET ngày 14/03/2024, Công ty đã thoái toàn bộ vốn góp của Công ty Cổ phần HTC Holding tại Công ty Cổ phần Thương mại An Phát Holding.



## 7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>7.780.001</b>	-
- Chi phí thuê nhà	4.780.000	-
- Chi phí khác	3.000.001	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>498.867.701</b>	-
- Cải tạo, sửa chữa văn phòng công ty	439.284.369	-
- Chi phí khác	59.583.332	-
<b>Cộng</b>	<b>506.647.702</b>	-

## 8. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>100.978.979</b>	<b>100.978.979</b>	<b>152.000</b>	<b>152.000</b>
- Công ty Cổ phần Gavi	547.349	547.349	152.000	152.000
- Công ty TNHH Logi Decor	23.407.630	23.407.630	-	-
- Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính và Kiểm toán Phía Nam	50.000.000	50.000.000	-	-
- Các nhà cung cấp khác	27.024.000	27.024.000	-	-
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>100.978.979</b>	<b>100.978.979</b>	<b>152.000</b>	<b>152.000</b>

## c. Phải trả người bán là các bên liên quan

(Chi tiết khoản mục này được trình bày tại Thuyết minh VIII.1.c).

## 9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
<b>a. Phải nộp</b>	<b>121.046.931</b>	<b>111.906.780</b>	<b>189.350.674</b>	<b>43.603.037</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	118.180.873	40.930.104	118.180.873	40.930.104
Thuế thu nhập cá nhân	2.866.058	60.826.676	61.019.801	2.672.933
Thuế khác	-	10.150.000	10.150.000	-
<b>b. Phải thu</b>	-	-	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## 10. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>276.829.745</b>	<b>100.000.000</b>
- Trích trước chi phí kiểm toán	58.000.000	100.000.000
- Trích trước chi phí thuê văn phòng	218.829.745	-
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>276.829.745</b>	<b>100.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING**

Số 4 tầng 4, tòa nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**II. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>3.500.000.000</b>	<b>3.500.000.000</b>	<b>14.969.000.000</b>	<b>26.533.806.959</b>	<b>15.064.806.959</b>	<b>15.064.806.959</b>
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đống Hà Nội	-	-	5.269.000.000	13.697.605.000	8.428.605.000	8.428.605.000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	-	-	-	6.152.000.000	6.152.000.000	6.152.000.000
- Bà Nguyễn Thị Quỳnh	-	-	-	484.201.959	484.201.959	484.201.959
- Bà Nguyễn Thị Diệu Mỹ	-	-	3.200.000.000	3.200.000.000	-	-
- Ông Trương Khắc Trung	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-
- Ông Trần Hoàng Anh Tuấn	(1)	3.500.000.000	3.500.000.000	-	-	-
<b>b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(1) Theo Hợp đồng vay số 1207/2024/HĐV ngày 12/07/2024, hợp đồng có kỳ hạn 06 tháng, không áp dụng lãi suất. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.





## 12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

## a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2023	60.500.000.000	446.367.502	6.282.310.828	67.228.678.330
- Lợi nhuận trong năm	-	-	111.578.480	111.578.480
- Khác	-	-	15.000.000	15.000.000
Số dư tại ngày 31/12/2023	60.500.000.000	446.367.502	6.408.889.308	67.355.256.810
Số dư tại ngày 01/01/2024	60.500.000.000	446.367.502	6.408.889.308	67.355.256.810
- Lợi nhuận trong năm	-	-	65.111.617	65.111.617
Số dư tại ngày 31/12/2024	60.500.000.000	446.367.502	6.474.000.925	67.420.368.427

## b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Tổ chức, cá nhân khác	60.500.000.000	60.500.000.000
+ Trần Hoàng Cường	9.078.650.000	9.078.650.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Vian Hà Nội	-	10.000.000.000
+ Bùi Thị Hải Yến	13.469.480.000	13.000.000.000
+ Trần Hoàng Anh Tuấn	10.440.520.000	6.960.000.000
+ Nguyễn Thế Tài	6.050.000.000	-
+ Các cổ đông khác	21.461.350.000	21.461.350.000
Cộng	60.500.000.000	60.500.000.000

## c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
+ Vốn góp đầu năm	60.500.000.000	60.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	60.500.000.000	60.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

## d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.050.000	6.050.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.050.000	6.050.000
+ Cổ phiếu phổ thông	6.050.000	6.050.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.050.000	6.050.000
+ Cổ phiếu phổ thông	6.050.000	6.050.000

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

## e. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	446.367.502	446.367.502

## 13. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	186,63	57.635,83

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

**1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
<i>a. Tổng doanh thu</i>	<b>85.209.344.106</b>	<b>93.726.778.874</b>
- Doanh thu bán hàng	85.209.344.106	93.726.778.874
<i>b. Doanh thu đối với các bên liên quan</i>	-	-

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	80.550.160.150	89.621.680.320
<b>Cộng</b>	<b>80.550.160.150</b>	<b>89.621.680.320</b>

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.131.894.646	1.896.475
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.026.673.613	256.075.482
<b>Cộng</b>	<b>2.158.568.259</b>	<b>257.971.957</b>

**4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	722.631.153	676.578.629
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	103.942.848	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	2.741.797
<b>Cộng</b>	<b>826.574.001</b>	<b>679.320.426</b>

**5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
<i>a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</i>	<b>3.595.732.430</b>	<b>2.952.260.618</b>
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.595.732.430	2.952.260.618
<i>b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</i>	<b>2.190.795.262</b>	<b>570.062.865</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	646.363.676	41.666.667
- Chi phí đồ dùng văn phòng	34.536.364	10.500.000
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.472.329.671	514.896.198
- Chi phí bằng tiền khác	34.565.551	-

**6. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay	Năm trước
- Tiền phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	13.818.683	15.607.102
- Các khoản khác	20.212	2.444.649
<b>Cộng</b>	<b>13.838.895</b>	<b>18.051.751</b>

## 7. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân công	646.363.676	41.666.667
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.068.062.101	3.480.656.816
- Chi phí bằng tiền khác	72.101.915	-
<b>Cộng</b>	<b>5.786.527.692</b>	<b>3.522.323.483</b>

## 8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	190.811.627	143.374.875
- Các khoản điều chỉnh tăng / (giảm) lợi nhuận kế toán trước thuế	13.838.895	439.456.629
+ Các khoản điều chỉnh tăng	13.838.895	439.456.629
- Tổng thu nhập chịu thuế	204.650.522	582.831.504
- Tổng thu nhập tính thuế	204.650.522	582.831.504
+ Thuế suất	20%	20%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	40.930.104	116.566.301
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	40.930.104	116.566.301

## 9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	84.769.906	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	(84.769.906)
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>84.769.906</b>	<b>(84.769.906)</b>

**Ghi chú:** Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

Thực hiện Quyết định của Ban Giám Đốc số 206/2024/QĐ-CET ngày 29/06/2024, Công ty hoàn nhập khoản chi phí thuế TNDN hoãn lại năm 2023 số tiền 84.796.906 VND.

## 10. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	65.111.617	111.578.480
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	6.050.000	6.050.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>11</b>	<b>18</b>

## 11. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	65.111.617	111.578.480
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	6.050.000	6.050.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>11</b>	<b>18</b>



**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

1. Các giao dịch phi tiền tệ ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: Không phát sinh.
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không phát sinh.

## 3. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm nay	Năm trước
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	14.969.000.000	30.064.806.959
<b>Cộng</b>	<b>14.969.000.000</b>	<b>30.064.806.959</b>

## 4. Số tiền đã trả thực gốc vay trong năm

	Năm nay	Năm trước
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	26.533.806.959	15.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>26.533.806.959</b>	<b>15.000.000.000</b>

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

## 1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

## a. Các bên liên quan

Tên đơn vị	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Thương mại An Phát Holding	Đầu tư tài chính vào đơn vị khác (đến ngày 15/03/2024)
Công ty Cổ phần Đầu tư Diamond Park	Đầu tư tài chính vào đơn vị khác
Công ty Cổ phần Đầu tư Vian Hà Nội	Cổ đông góp vốn lớn vào Công ty
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Minh Phương Nam Hà Nội	Cùng thành viên ban điều hành
Công ty TNHH Thương Mại Đầu Tư Vinh Khang	Cùng thành viên ban điều hành
Nguyễn Quốc Phương	Tổng Giám đốc - Thành viên HĐQT
Trịnh Phương Anh	Kế toán trưởng
Tạ Tiến Dũng	Tổng Giám đốc (đến ngày miễn nhiệm 07/07/2023)
Trần Hoàng Anh Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và người công bố thông tin	Ban điều hành và các cá nhân có liên quan

**b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan**

Trong năm, Công ty có các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Thu hồi tiền tạm ứng</b>		
Tạ Tiến Dũng	-	1.385.908.611
Nguyễn Quốc Phương	13.500.000.000	-
<b>Tạm ứng</b>		
Nguyễn Quốc Phương	13.500.000.000	-
<b>Nhận tài sản của cổ đông để thế chấp cho khoản vay</b>		
Giá trị ghi nhận theo mệnh giá của 3.903.865 cổ phiếu CET	-	39.038.650.000
Giá trị Bất động sản của Công ty Cổ phần Đầu tư Vian Hà Nội	-	18.698.000.000
<b>Mua hàng hóa và dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Vian Hà Nội	90.000.000	-
Công ty TNHH Thương Mại Đầu Tư Vinh Khang	170.229.168	-
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Minh Phương Nam Hà Nội	19.802.382.950	-
<b>Mượn tiền</b>		
Trần Hoàng Anh Tuấn	3.500.000.000	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm như sau:

Họ tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Nguyễn Quốc Phương	Tổng Giám đốc - Thành viên HĐQT	87.562.500	-
Trần Thị Thanh Nhân	Giám đốc Tài Chính kiêm Kế toán trưởng	8.421.052	-
Trịnh Phương Anh	Kế toán trưởng (đến ngày miễn nhiệm)	121.699.348	15.000.000
<b>Cộng</b>		<b>217.682.900</b>	<b>15.000.000</b>

**Ghi chú:** Trong năm, Công ty đang trong quá trình chuyển giao ban điều hành, tái cơ cấu nên các thành viên ban điều hành kiêm nhiệm và không nhận thù lao.

**c. Số dư cuối năm với các bên liên quan**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Vay và nợ thuê tài chính (Thuyết minh V.11)</b>		
Ông Trần Hoàng Anh Tuấn	3.500.000.000	-

## 2. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN

*Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý*

Công ty thực hiện toàn bộ hoạt động kinh doanh thương mại chỉ trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

*Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Hoạt động thương mại là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty. Do vậy, Hội đồng quản trị cho rằng Công ty hoạt động thương mại là một bộ phận kinh doanh duy nhất.

### 3. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính này.

#### 4. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

**Người lập biểu**

### Kế toán trưởng



**Trần Thị Thanh Nhân**



**Trần Thị Thanh Nhân**

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị



Trần Hoàng Anh Tuấn

(Theo Giấy ủy quyền của Chủ tịch HĐQT  
số 01/2025/UQ-HĐQT-HTC ngày 18/03/2025)